

Số: 502 /BVCR-TTBYT
Về việc yêu cầu báo giá

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam

Bệnh viện Chợ Rẫy có nhu cầu tiếp nhận báo giá thẩm định giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp “Hệ thống chụp mạch xóa nền (DSA) hai bình diện” Năm 2023 của Bệnh Viện Chợ Rẫy với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: BỆNH VIỆN CHỢ RẪY. Địa chỉ: 201B Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đào Văn Hiệp – Số điện thoại: 028.38.554.137 – 028.38.554.138 – Line: 1213. Email: baogia.bvcr@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Chợ Rẫy (Phòng Tổ chức – Hành chính), địa chỉ: 201B Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.
 - Địa chỉ email: baogia.bvcr@gmail.com nhận file mềm excel và bản scan (có đóng dấu giáp lai các tài liệu đính kèm).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá : Từ 08h00 ngày 12 tháng 9 năm 2023 đến trước 17h ngày 22 tháng 9 năm 2023.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn hiệu lực của báo giá : Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm	Dự kiến ngày hoàn
-----	------------------	---------------	------------	-------------	----------	-------------------

					thực hiện dịch vụ	thành dịch vụ
1.	Thẩm định giá giá trị toàn bộ Hệ thống chụp mạch xóa nền (DSA) hai bình diện	Dịch vụ thẩm định giá toàn bộ thiết bị theo mô tả của “phụ lục 01: yêu cầu tính năng, yêu cầu kỹ thuật hệ thống chụp mạch xóa nền (DSA) hai bình diện”	01	gói	Bệnh Viện Chợ Rẫy	
2.						
3.						

Các nhà cung cấp báo giá với nội dung quy định như sau: Hồ sơ năng lực đính kèm bảng báo giá.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Trang thiết bị y tế (để đăng tin)
- Lưu HC, TTBYT.



Nguyễn Tri Thức

PHỤ LỤC 01: YÊU CẦU TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT HỆ THỐNG CHỤP MẠCH XÓA NỀN(DSA) HAI BÌNH DIỆN

I. YÊU CẦU CHUNG	
- Máy chính sản xuất từ năm 2022 trở về sau, mới 100% - Thiết bị đạt một trong các tiêu chuẩn EN, IEC, CE, DIN, UL, FDA, JIS hoặc tương đương (cung cấp bản sao y) - Tiêu chuẩn quản lý chất lượng của nhà sản xuất: Đạt ISO 13485 (cung cấp bản sao y) hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥ 25 độ C và độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ - Nguồn điện sử dụng: + Sử dụng được nguồn điện: 3 phase 380 / 1 phase 220 V $\pm 10\%$ (50 HZ hoặc 60 HZ)	
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH
	HỆ THỐNG CHỤP MẠCH XÓA NỀN (DSA) 2 BÌNH DIỆN
1	Phần cứng
1.1	Cánh tay C - arm gắn sàn: 01 bộ
1.2	Cánh tay C - arm treo trần: 01 bộ
1.3	Bàn bệnh nhân: 01 bộ
1.4	Nguồn phát cao thế: 02 bộ
1.5	Bóng phát tia X: 02 bóng
1.6	Đầu thu ảnh kỹ thuật số: 02 cái
1.7	Hệ thống màn hình trong phòng chụp: 01 bộ
1.8	Hệ thống màn hình phòng điều khiển: 01 bộ
1.9	Bộ điều khiển hệ thống máy (trong phòng can thiệp và phòng điều khiển): 01 bộ
1.10	Hệ thống huyết động: 1 bộ
1.11	Trạm xử lý ảnh: 01 bộ
2	Phần mềm
Tối thiểu bao gồm các tính năng:	
2.1	Phần mềm quản lý liều tia tối ưu chất lượng hình ảnh: 01 phần mềm
2.2	Phần mềm chụp mạch số hóa xóa nền: 01 phần mềm
2.3	Phần mềm hỗ trợ dẫn đường trong can thiệp: 01 phần mềm
2.4	Phần mềm chụp mạch xoay cho thu hình mạch vành: 01 phần mềm
2.5	Phần mềm thu hình và tái tạo ảnh 3D xóa nền và không xóa nền: 01 phần mềm
2.6	Phần mềm chụp ngoại vi theo bước, xóa nền: 01 phần mềm
2.7	Phần mềm lưu chuỗi hình soi: 01 phần mềm
2.8	Phần mềm tăng cường quan sát và làm rõ hình stent: 01 phần mềm
2.9	Phần mềm phân tích, đánh giá mạch máu/mạch vành: 01 phần mềm
2.10	Phần mềm đánh giá thất trái: 01 phần mềm
2.11	Phần mềm hiển thị tín hiệu điện tim và lưu trữ hình với dữ liệu điện tim: 01 phần mềm
2.12	Phần mềm trộn hình 3D hỗ trợ lập kế hoạch, điều hướng dẫn đường trong can thiệp mạch máu, thần kinh: 01 phần mềm

2.13	Phần mềm hỗ trợ dẫn đường, xác định vị trí van trong can thiệp thay van động mạch chủ qua ống thông: 01 phần mềm
2.14	Phần mềm hỗ trợ can thiệp nội mạch điều trị phình động mạch chủ bụng: 01 phần mềm
3	Các thiết bị phụ trợ
3.1	Bộ đàm thoại nội bộ: 01 bộ
3.2	Bàn điều khiển trong phòng điều khiển: 02 bàn
3.3	Màn chắn tia phía dưới/trên: 01 bộ
3.4	Đèn mô LED treo trần ≥ 60.000 Lux: 01 cái
3.5	Vòng cổ chì che chắn tuyến giáp: ≥ 5 cái
3.6	Áo chì loại 2 mảnh (áo, váy) loại sợi tổng hợp: ≥ 5 cái
3.7	Kính mắt chì: ≥ 5 cái
3.8	Kính chì giữa phòng chụp và phòng điều khiển: kích thước $\geq 2000 \times 1000$ mm
3.9	Bộ dây đai định vị bệnh nhân : 01 bộ
3.10	Bộ lọc tia cho can thiệp mạch ngoại vi: 01 bộ
3.11	Bộ lọc tia cho can thiệp mạch máu não: 01 bộ
3.12	Cọc truyền dịch: 01 cái
3.13	Đèn cảnh báo phát tia: 02 bộ
3.14	Máy bơm thuốc cản quang chuyên dụng: 01 bộ
3.15	Máy in phim khô độ phân giải ≥ 325 dpi: 01 bộ
3.16	Bộ lưu điện 3 pha $\geq 100-160$ kVA: 01 bộ
3.17	Bộ lưu điện ≥ 2 kVA: ≥ 01 bộ
III	Yêu cầu kỹ thuật
	Phần cứng
1	Cánh tay C-arm gắn sàn:
1.1	Độ sâu cánh tay C – arm: ≥ 90 cm
1.2	Góc chiếu nghiêng đôi LAO / RAO: Từ ≥ 90 độ đến ≥ 130 độ
1.3	Góc chiếu xoay CRAN / CAUD (CRAN - CAUD): ≥ 45 độ
1.4	Khoảng cách từ tiêu điểm bóng đến đầu thu ảnh trên cánh tay C (C - arm) gắn sàn (có chức năng điều chỉnh): từ ≤ 90 cm đến ≥ 110 cm
2	Cánh tay C-arm treo trần:
2.1	Góc xoay CRAN / CAUD (CRAN - CAUD): ≥ 45 độ
2.2	Tốc độ quay C - arm: ≥ 8 độ / giây
3	Bàn bệnh nhân:
3.1	Chiều dài bàn: ≥ 250 cm
3.2	Khoảng dịch chuyển bàn theo chiều dọc: ≥ 120 cm
3.3	Khoảng dịch chuyển ngang (tổng 2 hướng): từ 28 cm đến ≥ 35 cm
3.4	Độ nghiêng dốc đầu/chân: $\geq \pm 15$ độ
3.5	Tải trọng bàn tối đa (bao gồm bệnh nhân, các thiết bị phụ trợ và linh kiện): từ 300 kg đến ≥ 350 kg
4	Nguồn phát cao thế:
4.1	Công suất: ≥ 100 kW
4.2	Dây điện áp: Từ ≤ 40 kV đến ≥ 125 kV
4.3	Cường độ dòng điện qua bóng: Từ ≤ 1 mA đến ≥ 1000 mA

5	Bóng phát tia cho bình điện đứng-gắn sàn và bình điện nghiêng-treo trần:
5.1	Số tiêu điểm của mỗi bóng: ≥ 2 tiêu điểm
5.2	Tiêu điểm nhỏ nhất của mỗi bóng: $\leq 0.3-0.5$ mm
5.3	Tiêu điểm lớn nhất của mỗi bóng: ≥ 0.7 mm
5.4	Dung lượng trữ nhiệt tối đa của anode của mỗi bóng: Từ 3.5 - ≥ 5 MHU
5.5	Dung lượng trữ nhiệt tối đa của mỗi bóng: Từ ≥ 6 - ≥ 7 MHU
5.6	Tốc độ tản nhiệt tối đa của anode của mỗi bóng: Từ 500 KHU/phút đến ≥ 1500 KHU/phút
6	Đầu thu ảnh bình điện gắn sàn:
6.1	Kích thước đầu thu ảnh (tính luôn phần vỏ): ≥ 30 cm x 30 cm
6.2	Hiệu suất chuyển đổi lượng tử cao nhất (DQE): $\geq 75\%$
6.3	Độ phân giải ảnh tối đa: $\geq 1024 \times 1024$
7	Đầu thu ảnh bình điện treo trần:
7.1	Kích thước đầu thu ảnh (tính luôn phần vỏ): ≥ 17 cm x 17 cm
7.2	Hiệu suất chuyển đổi lượng tử cao nhất (DQE): $\geq 70\%$
7.3	Độ phân giải ảnh tối đa: $\geq 1024 \times 1024$ pixels
8	Bộ chuẩn trực chùm tia:
8.1	Số mức phim lọc tự động: từ 3 - ≥ 5 mức
9	Hệ thống màn hình
9.1	Hệ thống màn hình trong phòng chụp kèm hệ thống giá treo: ≥ 04 hoặc 01 màn hình loại kích thước lớn ≥ 55 inch tích hợp hiển thị tương đương chức năng 04 màn hình
	- Màn hình hiển thị ảnh live / ref LCD hoặc tương đương trở lên (TFT, OLED, ...)
	- Kích thước ≥ 19 inch
	- Độ phân giải: $\geq 1280 \times 1024$
	- Màn hình cho máy trạm xử lý LCD hoặc tương đương trở lên (TFT, OLED, ...)
	- Màu ≥ 19 inch
	- Độ phân giải: $\geq 1280 \times 1024$
	- Màn hình cho bộ theo dõi huyết động LCD hoặc tương đương trở lên (TFT, OLED, ...)
	- Màu ≥ 21 inch
	- Độ phân giải: $\geq 1600 \times 1200$
9.2	Hệ thống màn hình trong phòng điều khiển:
	- Tối thiểu 01 màn hình hiển thị hình x quang ≥ 19 inch
	- Độ phân giải: $\geq 1280 \times 1024$
	- 02 màn hình máy tính trạm xử lý ảnh LCD hoặc tương đương trở lên (TFT, OLED, ...) màu ≥ 19 inch
	- Độ phân giải: $\geq 1280 \times 1024$
	- 01 màn hình hiển thị thông tin cài đặt LCD hoặc tương đương trở lên (TFT, OLED, ...) màu ≥ 19 inch
	- Độ phân giải: $\geq 1280 \times 1024$

	- 01 màn hình cho bộ theo dõi huyết động LCD hoặc tương đương trở lên (TFT, OLED, ...) - màu ≥ 21 inch - Độ phân giải: $\geq 1600 \times 1200$
9.3	Bộ điều khiển hệ thống máy
	Chế độ chiếu (chụp): Xóa nền, không xóa nền, dẫn đường (roadmap); hiển thị đồng thời ảnh xóa nền / không xóa nền; dẫn đường nâng cao
9.4	Hệ thống huyết động
	- Tối thiểu: $\geq$ Quad core 2.0 GHz - RAM ≥ 16 GB - Ổ cứng ≥ 1000 GB - Có thể kết nối trực tiếp với hệ thống soi chụp, cho phép truyền dữ liệu và thông tin bệnh nhân hai chiều giữa hệ thống DSA và huyết động học; nhịp thở, SpO2, huyết áp xâm lấn (≥ 4 kênh), huyết áp không xâm lấn, cung lượng tim
9.5	Trạm xử lý ảnh:
	- Tối thiểu: ≥ 6 core, RAM ≥ 32 GB, ổ cứng ≥ 1 TB kèm phần mềm quản lý, xem hình, in phim
9.6	Trạm xử lý riêng cho tim mạch:
	- Cấu hình tối thiểu Intel Xeon, RAM ≥ 2 GB kèm phần mềm quản lý, xem hình, in phim chuyên tim mạch.
9.7	Máy bơm thuốc cân quang chuyên dụng
	- Tốc độ từ ≤ 0.1 đến ≥ 40 ml / giây
	- Áp suất tiêm từ ≤ 100 đến ≥ 1000 psi
Phần mềm	
1	Gói ứng dụng giảm liều tối ưu chất lượng hình ảnh, quản lý liều tia
2	Phần mềm chụp mạch số hóa xóa nền
3	Phần mềm hỗ trợ dẫn đường trong can thiệp
4	Phần mềm chụp mạch xoay cho thu hình mạch vành
5	Phần mềm thu hình và tái tạo ảnh 3D xóa nền và không xóa nền
6	Phần mềm chụp ngoại vi theo bước, xóa nền
7	Phần mềm lưu chuỗi hình soi
8	Phần mềm tăng cường quan sát và làm rõ hình stent
9	Phần mềm phân tích, đánh giá mạch máu/mạch vành
10	Phần mềm đánh giá thất trái
11	Phần mềm hiển thị tín hiệu điện tim và lưu trữ hình với dữ liệu điện tim
12	Phần mềm trộn hình 3D hỗ trợ lập kế hoạch, điều hướng dẫn đường trong can thiệp mạch máu, thần kinh
13	Phần mềm hỗ trợ dẫn đường, xác định vị trí van trong can thiệp thay van động mạch chủ qua ống thông (TAVI)
14	Phần mềm hỗ trợ can thiệp nội mạch điều trị phình động mạch chủ bụng
15	Hỗ trợ phát hiện đường dẫn khối u trong can thiệp gan
16	Hỗ trợ can thiệp trong xâm lấn (can thiệp xâm lấn) cấu trúc tim
17	Hỗ trợ xác định mạch máu, lập kế hoạch và dẫn đường trong các thủ thuật xuyên tắc mạch

18	Hỗ trợ sinh thiết, điều trị cột sống, đốt sóng cao tần (RFA)
IV	YÊU CẦU KHÁC
1	Lắp đặt, đào tạo:
	- Lắp đặt, chạy thử hoàn chỉnh, hướng dẫn sử dụng thành thạo tại nơi sử dụng
2	Bảo hành
	- Từ ≥ 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu
3	Dịch vụ sau bán hàng
	- Có cam kết cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì, vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ≥ 9 năm sau thời gian bảo hành
4	Tiến độ cung cấp hàng hoá
	- Có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT

